

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ ĐỨC THÀNH
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2011

Tháng 03 năm 2011

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	3
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	4
GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH	5 - 12

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2011

Đvt: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/03/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		96,542,704,009	99,583,965,347
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	34,393,154,288	46,389,923,510
1. Tiền	111		5,093,154,288	4,089,923,510
2. Các khoản tương đương tiền	112		29,300,000,000	42,300,000,000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17,480,329,597	15,569,930,783
1. Phải thu của khách hàng	131		13,166,197,273	13,083,530,695
2. Trả trước cho người bán	132		4,366,377,846	2,233,779,553
3. Các khoản phải thu khác	135		(52,245,522)	252,620,535
III. Hàng tồn kho	140	5	39,598,420,038	34,045,683,866
1. Hàng tồn kho	141		44,598,420,038	39,545,683,866
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5,000,000,000)	(5,500,000,000)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		5,070,800,086	3,578,427,188
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1,467,821,441	825,956,200
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1,481,517,280	1,475,209,676
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		2,121,461,365	1,277,261,312
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		90,329,410,888	93,137,316,745
I. Tài sản cố định	220		89,284,155,172	92,028,572,825
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	39,941,688,984	40,259,446,298
- Nguyên giá	222		72,806,072,031	72,994,860,506
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(32,864,383,047)	(32,735,414,208)
2. Tài sản cố định vô hình	227	7	8,761,307,751	8,812,965,438
- Nguyên giá	228		10,790,607,913	10,790,607,913
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(2,029,300,162)	(1,977,642,475)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	40,581,158,437	42,956,161,089
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư dài hạn khác	258			
III. Tài sản dài hạn khác	260		1,045,255,716	1,108,743,920
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		556,385,255	619,873,459
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		371,870,461	371,870,461
3. Tài sản dài hạn khác	268		117,000,000	117,000,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		186,872,114,897	192,721,282,092

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/03/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		37,846,987,898	53,107,837,727
I. Nợ ngắn hạn	310		31,242,040,466	46,468,887,207
1. Vay ngắn hạn và nợ ngắn hạn	311	9	7,442,382,615	22,426,602,967
2. Phải trả người bán	312		4,715,332,212	4,542,849,891
3. Người mua trả tiền trước	313		6,566,101,374	1,917,506,390
4. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314	10	1,626,315,118	1,653,255,178
5. Phải trả công nhân viên	315		2,756,144,000	2,746,128,001
6. Chi phí phải trả	316		2,893,928,141	7,333,951,075
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		1,224,454,029	1,266,657,228
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	431		4,017,382,977	4,581,936,477
II. Nợ dài hạn	330		6,604,947,432	6,638,950,520
1. Phải trả dài hạn khác	333		81,100,000	60,400,000
2. Vay và nợ dài hạn	334			
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1,470,434,875	1,500,303,375
4. Dự phòng phải trả dài hạn	337		751,872,657	
4. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		4,301,539,900	5,078,247,145
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		149,025,126,999	139,613,444,365
I. Vốn chủ sở hữu	410	11	149,025,126,999	139,613,444,365
1. Vốn cổ phần	411		103,723,650,000	103,723,650,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2,856,593,370	2,856,593,370
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	416		1,109,367,433	
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		5,634,889,243	5,634,889,243
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		4,928,020,023	4,928,020,023
5. Cổ phiếu quỹ	419			
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		30,772,606,930	22,470,291,729
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		186,872,114,897	192,721,282,092



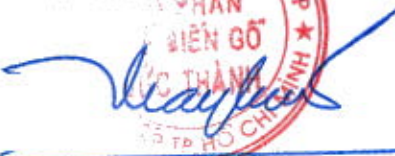
Lê Hải Liễu
Tổng giám đốc
Ngày 20 tháng 04 năm 2011

Nguyễn Thị Hương Huyền
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Quý 1/2011	Quý 1/2010
1. Doanh thu bán hàng	01		40,552,171,755	32,099,380,931
2. Các khoản giảm trừ	02		330,998,185	447,246,003
3. Doanh thu thuần từ bán hàng	10		40,221,173,570	31,652,134,928
4. Giá vốn hàng bán	11		24,872,682,434	19,275,224,615
5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng	20		15,348,491,136	12,376,910,313
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	12	1,538,337,341	1,755,708,231
7. Chi phí tài chính	22	13	812,573,368	1,215,078,971
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		788,558,376	521,143,727
8. Chi phí bán hàng	24		3,078,194,647	1,821,293,276
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2,809,844,680	2,957,474,652
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		10,186,215,782	8,138,771,645
11. Thu nhập khác	31	14	260,931,049	176,318,413
12. Chi phí khác	32	14	69,252,834	87,913,290
13. Lợi nhuận / (Lỗ) khác	40	14	191,678,215	88,405,123
14. Tổng lợi nhuận trước thuế	50		10,377,893,997	8,227,176,768
15. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	18	2,075,578,799	1,645,435,353
16. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	18		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8,302,315,198	6,581,741,415
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	19	800	635


Lê Hải Liễu
Tổng giám đốc
Ngày 20 tháng 04 năm 2011


Nguyễn Thị Hương Huyền
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Đvt: VND

CHỈ TIÊU	Quý 1 năm 2011	Quý 1 năm 2010
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1 Lợi nhuận trước thuế 01	10,377,893,997	8,227,176,768
2 Điều chỉnh cho các khoản		
Khấu hao TSCĐ 02	1,154,218,343	1,030,697,966
Các khoản dự phòng 03	(500,000,000)	
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện 04		
Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư 05	(1,442,603,065)	(1,151,123,911)
Chi phí lãi vay 06	788,558,376	521,143,727
3 Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn 08	10,378,067,651	8,627,894,550
Tăng giảm các khoản phải thu 09	1,222,875,224	7,438,645,368
Tăng giảm hàng tồn kho 10	(5,552,736,169)	(4,837,734,810)
Tăng giảm phải trả (không bao gồm thuế TNDN phải nộp) 11	(343,609,670)	(1,062,145,393)
Tăng giảm chi phí trả trước 12	(578,377,037)	(1,259,937,366)
Tiền lãi vay đã trả 13	(788,558,376)	(521,143,727)
Thuế TNDN đã nộp 14	(1,439,910,518)	(507,706,758)
Thu khác cho hoạt động kinh doanh (từ QPL, PT) 15	20,700,000	
Chi khác cho hoạt động kinh doanh (từ QPL, PT) 16	(1,171,146,184)	(1,110,130,767)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh 20	1,747,304,921	6,767,741,097
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
1 Tiền chi để mua sắm và xây dựng TSCĐ 21	(825,176,490)	(413,924,018)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ 22	608,370,165	
3 Tiền lãi vay ngân hàng 27	1,456,952,534	1,151,123,911
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư 30	1,240,146,209	737,199,893
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
1 Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu 31		
2 của doanh nghiệp đã phát hành 32		
3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được 33	15,453,359,111	3,826,498,000
4 Tiền chi trả nợ gốc vay 34	(30,437,579,463)	(14,014,260,373)
5 Tiền chi trả nợ thuê tài chính 35		
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu 36		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính 40	(14,984,220,352)	(10,187,762,373)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ 50	(11,996,769,222)	(2,682,821,383)
Tiền và tương đương tiền đầu quý 60	46,389,923,510	36,426,470,544
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ 61		
Tiền và tương đương tiền cuối quý 70	34,393,154,288	33,743,649,161

Lê Hải Liễu
Tổng giám đốc
Ngày 20 tháng 04 năm 2011

Nguyễn Thị Hương Huyền
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Thành được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000126 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 8 tháng 8 năm 2000, và các giấy chứng nhận điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2011 là 1.098 người (ngày 31/12/2010: 1.012 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất các sản phẩm đồ gỗ gia dụng, cán chổi, cán cờ, ván ghép và đồ chơi trẻ em bằng gỗ.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay những khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10-25
Máy móc và thiết bị	04-12
Phương tiện vận tải	06-10
Thiết bị văn phòng	03-09

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm kế toán, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

Phần mềm kế toán được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

Đơn vị tính: VND

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/03/2011	31/12/2010
Tiền mặt	903,681,431	207,386,819
Tiền gửi ngân hàng	4,189,472,857	3,882,536,691
Các khoản tương đương tiền (*)	29,300,000,000	42,300,000,000
	34,393,154,288	46,389,923,510

(*) Các khoản tương đương tiền là số tiền gửi tiết kiệm bằng đồng Việt Nam tại các ngân hàng thương mại với thời hạn từ 1-2 tháng, lãi suất 14% năm

5. HÀNG TỒN KHO

	31/03/2011	31/12/2010
Nguyên liệu, vật liệu	31,120,372,864	26,242,619,891
Công cụ, dụng cụ	583,742,838	527,077,729
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4,367,150,150	2,115,094,021
Thành phẩm	8,409,656,764	9,394,814,770
Hàng gửi đi bán	117,497,422	1,266,077,455
	44,598,420,038	39,545,683,866
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(5,000,000,000)	(5,500,000,000)
	39,598,420,038	34,045,683,866

6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, TD	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2011	33,183,943,746	35,502,645,642	2,483,140,782	1,825,130,336	72,994,860,506
Tăng trong năm	88,522,727		700,704,546	27,470,400	816,697,673
Chuyển từ chi phí XDCB dở dang					-
Thanh lý		1,005,486,148			1,005,486,148
Tại ngày 31/03/2011	33,272,466,473	34,497,159,494	3,183,845,328	1,852,600,736	72,806,072,031
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2011	7,871,400,857	22,569,738,521	737,986,231	1,556,288,599	32,735,414,208
Khấu hao trong kỳ	337,452,870	642,869,835	83,814,687	38,423,264	1,102,560,656
Thanh lý		973,591,817			973,591,817
Tại ngày 31/03/2011	8,208,853,727	22,239,016,539	821,800,918	1,594,711,863	32,864,383,047
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2011	25,312,542,889	12,932,907,121	1,745,154,551	268,841,737	40,259,446,298
Tại ngày 31/03/2011	25,063,612,746	12,258,142,955	2,362,044,410	257,888,873	39,941,688,984

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 03 năm 2011 là 11.963.133.255 đồng

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2011	10,623,823,333	166,784,580	10,790,607,913
Tăng trong năm			-
Chuyển từ chi phí XDCB dở dang			-
Thanh lý			-
Tại ngày 31/03/2011	10,623,823,333	166,784,580	10,790,607,913

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2011	1,856,343,274	121,299,201	1,977,642,475
Khấu hao trong kỳ	41,666,667	9,991,020	51,657,687
Thanh lý			-
Tại ngày 31/03/2011	1,898,009,941	131,290,221	2,029,300,162
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2011	8,767,480,059	45,485,379	8,812,965,438
Tại ngày 31/03/2011	8,725,813,392	35,494,359	8,761,307,751

Như đã trình bày ở Thuyết minh số 9, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng lô đất tại số 21/6D Phan Huy Ích, Phường 14, Quận Gò Vấp, Tp.HCM để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn từ Vietcombank - CN Tân Bình

Giá trị còn lại của quyền sử dụng đất tại ngày 31 tháng 3 năm 2011 bao gồm:

- Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn tại số 21/6D Phan Huy Ích, Phường 14, Quận Gò Vấp, Tp.HCM với giá trị còn lại là 2.100.813.399 đồng (năm 2009: 2.100.813.399 đồng). Quyền sử dụng đất này không được tính khấu hao theo các quy định hiện hành.

- Quyền sử dụng đất có thời hạn có giá trị còn lại là 6.624.999.993 đồng (năm 2009: 6.833.333.328 đồng) và được khấu hao trong suốt 45 năm phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 13 tháng 10 năm 2005

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/03/2011	31/12/2010
Tại ngày 01 tháng 01	42,956,161,089	45,930,077,830
Tăng		48,750,200
Thanh lý	(2,375,002,652)	(3,022,666,941)
Kết chuyển sang TSCĐ		
Kết chuyển sang chi phí trả trước		
Điều chỉnh khác		
Tại ngày 31 tháng 03 (*)	40,581,158,437	42,956,161,089

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cuối kỳ bao gồm chi phí xây dựng nhà máy Mỹ Phước, tỉnh Bình Dương là 40.581.158.437 đồng

9. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/03/2011	31/12/2010
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB Tân Bình)		2,096,460,520
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB HCM)		9,983,712,729
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Vietinbank)		10,346,429,718
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank)	7,442,382,615	
	7,442,382,615	22,426,602,967

Khoản vay từ Eximbank thể hiện khoản vay tín chấp bằng ngoại tệ kỳ hạn 6 tháng tương đương 356.515 USD.

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/03/2011	31/12/2010
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	(5,052,256)	(5,052,256)
Thuế xuất nhập khẩu	43,087,375	43,087,375
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,813,362,118	1,177,693,837
Thuế thu nhập cá nhân	(225,082,119)	437,526,222
	1,626,315,118	1,653,255,178

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ ĐỨC THÀNH
 21/6D Phan Huy Ích, Phường 14, Quận Gò Vấp, Tp.HCM
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

Mẫu B 09-DN

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Tại ngày 31/12/2010	103,723,650,000	2,856,593,370		5,634,889,243	4,928,020,023	22,470,291,729	139,613,444,365
Lợi nhuận trong kỳ						8,302,315,198	8,302,315,198
Trích các quỹ từ lợi nhuận							-
Chi trả cổ tức							-
Điều chỉnh khác						1,109,367,436	1,109,367,436
Tại ngày 31/03/2011	103,723,650,000	2,856,593,370	-	5,634,889,243	4,928,020,023	31,881,974,363	149,025,126,999

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ ĐỨC THÀNH

21/6D Phan Huy Ích, Phường 14, Quận Gò Vấp, Tp.HCM

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

Cổ phiếu	31/03/2011	31/03/2010
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	10,372,365	10,372,365
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	10,372,365	10,372,365
- <i>Cổ phiếu thường</i>	10,372,365	10,372,365
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- <i>Cổ phiếu thường</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10,372,365	10,372,365
- <i>Cổ phiếu thường</i>	10,372,365	10,372,365
Mệnh giá cổ phiếu (đồng)	10,000	10,000

Công ty chỉ có một loại cổ phiếu thường không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phiếu thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phiếu sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phiếu đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

	31/03/2011	31/03/2010
Giá trị cổ phiếu do bà Lê Hải Liễu nắm giữ	38,854,240,000	38,854,240,000
Giá trị cổ phiếu do BI Private Equity New Markets K/S nắm giữ	9,800,000,000	9,800,000,000
Giá trị cổ phiếu do các cổ đông khác nắm giữ	55,069,410,000	55,069,410,000
	103,723,650,000	103,723,650,000

12. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý 1 năm 2011	Quý 1 năm 2010
Lãi tiền gửi	1,330,058,621	1,151,123,911
Chiết khấu thanh toán	32,656,821	15,886,832
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	175,621,899	588,697,488
	1,538,337,341	1,755,708,231

13. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý 1 năm 2011	Quý 1 năm 2010
Chi phí lãi vay	788,558,376	521,143,727
Chiết khấu thanh toán	19,816,688	77,144,151
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
Lỗ chênh lệch tỷ giá thực hiện	4,198,304	616,791,093
	812,573,368	1,215,078,971

14. LỢI NHUẬN KHÁC

	Quý 1 năm 2011	Quý 1 năm 2010
Thu từ thanh lý tài sản cố định		
Thu từ bán phế liệu		
Các khoản thu nhập khác	260,931,049	176,318,413
<i>Thu nhập khác</i>	260,931,049	176,318,413
Giá trị còn lại của TSCĐ đã thanh lý	59,810,101	87,913,290
Chi phí khấu hao của TSCĐ không sử dụng		
Các khoản chi phí khác	9,442,733	
<i>Chi phí khác</i>	69,252,834	87,913,290
Lợi nhuận/lỗ khác	191,678,215	88,405,123

15. THUÊ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Quý 1 năm 2011	Quý 1 năm 2010
-----------------------	-----------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ ĐỨC THÀNH

21/6D Phan Huy Ích, Phường 14, Quận Gò Vấp, Tp.HCM

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

Lợi nhuận trước thuế	10,377,893,997	8,227,176,768
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: thu nhập không chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ		
Thu nhập chịu thuế	10,377,893,997	8,227,176,768
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả	2,594,473,499	2,056,794,192
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	(518,894,700)	(411,358,839)
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	2,075,578,799	1,645,435,353
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
	2,075,578,799	1,645,435,353

Quý 1 năm 2011 công ty tạm tính thuế thu nhập doanh nghiệp miễn, giảm và sẽ tính lại số thuế này khi quyết toán.

16. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản được thực hiện trên cơ sở số liệu sau:

	31/03/2011	31/03/2010
Lợi nhuận sau thuế	8,302,315,198	6,581,741,415
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	8,302,315,198	6,581,741,415
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	10,372,365	10,372,365
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	800	635

17. GIẢI TRÌNH BIẾN ĐỘNG LỢI NHUẬN

Chỉ tiêu	Quý 1 - 2011	Quý 1 - 2010	Tỷ lệ
Lợi nhuận sau thuế	8,302,315,198	6,581,741,415	26%
Tổng cộng	8,302,315,198	6,581,741,415	26%

Các nguyên nhân ảnh hưởng chính đến kết quả kinh doanh quý 1 năm 2011:

- Giá bán tăng dẫn đến doanh thu tăng
- Bán nhiều hàng dự trữ cuối năm 2010 nên chi phí giá vốn quý 1 năm 2011 thấp
- Có sử dụng quỹ dự phòng năm 2010 nên chi phí giá vốn quý 1 năm 2011 giảm

Lê Hải Liễu**Tổng giám đốc**

Ngày 20 tháng 04 năm 2011

Nguyễn Thị Hương Huyền**Kế toán trưởng**